TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2024/HSST
Ngày 07/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và ông Nguyễn Hiếu Luân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố H, đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 15/5/2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/HSST-QĐ ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn H**, sinh năm: 1989; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã Các Sơn, thị xã N, tỉnh T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phan Tiến L; sinh năm: 1953, con bà Lê Thị L, sinh năm: 1958; vợ, con: Chưa

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

*+ Bản án số 247/ 2011/HSST ngày 15/9/2011, TAND quận T, thành phố H xử phạt **02 năm tù** về tội Cưỡng đoạt tài sản. Ngày 05/01/2013 chấp hành xong.*

*+ Bản án số 427/2014/HSPT ngày 26/6/2014, TAND thành phố H xử phạt **03 năm 06 tháng** tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.*

*+ Bản án số 35/ 2015/HSPT ngày 14/01/2015, TAND thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội đe dọa giết người. Tổng hợp hình phạt Tại Bản án số 427/2014/HSPT ngày 26/6/2014, TAND thành phố H. Buộc Phan Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **05 năm 06** tháng tù. Ngày **06/5/2018** chấp hành xong hình phạt của hai bản án. (Đều đã được xóa án).*

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Doãn Huy H**, sinh ngày 16/7/2005; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; HKTT: Xóm H, xã H, huyện G, tỉnh N; chỗ ở: Ngõ 131 T, phường M, thành phố N, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Doãn Văn T, sinh năm: 1975; con bà Nguyễn Thị Thanh H; sinh năm: 1983; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **06/9/2023**. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Đoàn Văn T**, sinh ngày 30/3/2005; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Khu 5, xã D, huyện T, tỉnh P; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đoàn Văn T, sinh năm: 1970, con bà Tạ Thị N, sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **09/9/2023**. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn H (*Thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo*) là bà **Đỗ Thị Thào** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. (Có mặt).

** Người bị hại:*

1. Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H. (Có mặt)

2. Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H. (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Phạm Văn O**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án thể hiện:

Do thiếu tiền tiêu xài nên Doãn Huy H sử dụng tài khoản Facebook *"H Long*" tham gia vào nhóm mạng xã hội Facebook "*Hội những người vỡ nợ muốn làm liều"* để tìm kiếm người cùng H chiếm đoạt tài sản. Ngày 04/9/2023, sau khi đăng bài với

nội dung "*Có kèo ngon, cần thêm người tham gia"* thì tài khoản Facebook *"KaWasaki*" của Phan Văn H, sinh năm 1989, HKTT: Thôn Liên Sơn, xã Các Sơn, thị xã N, tỉnh Thanh Hoá, tài khoản Facebook "*Becte De"* của Đoàn Văn T, sinh năm 2005, HKTT: Khu 5, xã D, huyện T, tỉnh P nhắn tin qua Messenger với tài khoản "*H Long"* của H đề nghị cùng tham gia với H, H đồng ý và nhắn tin rủ H, T xuống thành phố N, H sẽ gửi định vị vị trí của H để gặp nhau và cùng thực hiện vụ "bắt cóc tống tiền" H, T đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 05/9/2023, Phan Văn H đi xe khách từ bến xe nước ngầm đến gần siêu thị GO thuộc địa phận thành phố N, H gọi qua ứng dụng messenger nhờ H ra đón. Khoảng 20 phút sau, H điều khiển xe đạp điện đến đón H rồi H chở H đến 01 quán nước cách siêu thị GO khoảng 01km và bảo H ngồi chờ để H đi đón T. Khi T điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS: 19N1 – 347.87 mang theo 01 chiếc túi đeo bên trong có 01 con dao dài khoảng 20 cm, chuôi màu đen đi đến siêu thị GO thuộc địa phận thành phố N, T dừng xe tháo biển kiểm soát, cất vào cốp. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H đi xe đạp điện ra siêu thị GO để dẫn T về nhà H ở ngõ 131 T, phường M, thành phố N cất xe đạp điện. H cầm theo 01 con dao đưa cho T cất vào trong túi rồi điều khiển xe mô tô chở T đi đón H. Sau đó, H điều khiển xe chở T ngồi giữa, H ngồi sau đi đến một bãi đất trống gần nhà H đứng chờ cơ hội, nhưng chờ khoảng 30 phút không thấy có ai đi qua nên H nói với H, T: "*Hôm nay không làm được, để khi khác được không, chúng mày ở lại qua đêm được không?*" T nói "*Không*", H nói: "*Tao có chỗ trên T, Ok dễ đột nhập*", H nói là có người quen của gia đình trên T, có két sắt và cần kiếm dụng cụ để mở két, T nói là "có dao nhưng không cậy được két", H nói: "*Không làm được vụ ở T, đi tìm trộm quán điện thoại ở N".* Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 05/9/2023, H chở H, T đi xung quanh khu vực vườn hoa đường T, thành phố N thì bị lực lượng Cảnh sát 113 - Công an thành phố N kiểm tra hành chính, thu giữ trong túi của T có 02 (hai) con dao và chiếc xe mô tô T, H, H xin về lấy giấy tờ xe rồi quay lại. Sau đó, T, H, H đi bộ ra vườn hoa gần Đường 10 đoạn Ngã tư Phạm Ngũ Lão, thành phố N thống nhất với nhau đi đến huyện T để cướp tài sản chỗ người quen của H, cả ba bắt xe taxi BKS: 18A - 135.48 của anh Vũ Văn Vương, sinh năm 1990, HKTT: Thôn Hiểu Dương, xã Nam Hải, huyện Nam Trực, tỉnh N đi về địa phận huyện T, thành phố H. Khoảng 02 giờ ngày 06/9/2023, anh Vương điều khiển xe ô tô đi đến xã Tô Hiệu, huyện T, thành phố H thì T, H, H yêu cầu anh Vương dừng xe, T trả cho anh Vương tiền taxi là 700.000 đồng, trong đó T trả 200.000 đồng tiền mặt và sử dụng số tài khoản 1032082906 của Ngân hàng Vietcombank mang tên DOAN VAN TU chuyển 500.000 đồng đến số tài khoản 0979285526 của Ngân hàng MBBank mang tên VU VAN VUONG. Sau đó, H dẫn đường cho T, H đi đến nhà chị Vũ Thị T, sinh năm 1976 ở thôn M, xã T, huyện T, thành phố H để kiểm tra rồi cùng quay lại khu vực Nghĩa trang của thôn M, xã T, huyện T. Lúc này, H vẽ sơ đồ trên đất, mở ứng dụng Google map, chỉ nhà chị TH cho H, T xem, mô tả vị trí camera, két sắt. H nói *"Thời điểm thích hợp nhất để đột nhập vào nhà là khoảng 04 giờ sáng",* H bảo T, H vào cướp, còn H không vào vì H quen biết nhà chị TH nếu vào sẽ bị lộ. H thỏa thuận với H, kể cả H không vào, không làm

gì thì chia 10%, nhưng H không đồng ý, đòi 25% số tiền cướp được, T nói "*Em sẽ chia cho anh phần của em*" H đưa cho H áo chống nắng, khẩu trang. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, H rời khỏi nghĩa trang. Đến khoảng 04 giờ 20 ngày 06/9/2023, H, T cầm kéo (nhặt ở nghĩa trang) đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang đi đến trước cổng nhà chị Vũ Thị T thấy chị TH và chị Ngô Thị T, sinh năm 1967, ở cùng thôn đang làm gà vịt ở sân, T gọi chị TH giả vờ hỏi: *"Ở đây có bán gà không?",* chị TH ra mở cổng thì H lao vào ôm, dùng tay bóp cổ để khống chế chị TH, T chạy vào dùng kéo dí sau lưng chị T để khống chế, ép chị T đi đến chỗ chị TH. T thả chị T ra rồi dùng kéo dí vào mạn sườn trái chị TH, bắt chị TH đi vào trong phòng ngủ có đặt két sắt, trên giường ngủ có cháu Phạm Ngọc M, sinh năm 2014 đang nằm ngủ, chị T bỏ chạy được lên tầng hai gọi cháu Phạm Thị Vân Anh (SN: 2004 là con gái chị TH) để gọi điện thoại cho anh Phạm Văn O (SN: 1975, chồng chị TH) báo tin bị cướp. Lúc này, H nói với chị TH "*Mở két ra*", T nói:*"Trong két có gì lấy hết ra đây",* chị TH nói: "*Đây chỉ là người làm thuê, chủ nhà đi vắng hết rồi, không biết mật khẩu mở két*". Lúc này, T chạy ra ngoài lấy 01 con dao thì phát hiện trong nhà có camera nên lấy chổi chọc quay vào tường rồi chạy vào đưa chiếc kéo cho H, tiếp tục khống chế chị TH trong phòng ngủ. Chị Thu nói xin chuyển khoản, T chạy ra ngoài sân lấy 01 chiếc điện thoại mang vào đưa lại cho chị TH, chị TH nói không biết mật khẩu thì H nói "*Có bao nhiêu tiền thì chuyển hết sang đây"* nếu không sẽ đánh bé trai đang ngủ trên giường. Sau đó, H đếm ngược 5, 4, 3 thì chị TH sợ nên mở khoá điện thoại, đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng trên máy điện thoại, H đọc số tài khoản Ngân hàng của mình cho chị TH nhập vào điện thoại. Lúc này, anh Oánh cầm mã tấu đi từ nhà ở thôn M, xã T chạy đến. Thấy vậy, T bỏ chạy ra đường Quốc lộ 1A, anh Oánh chạy vào trong nhà thấy H đang khống chế chị TH thì cầm mã tấu chém trượt về phía H khiến H sợ buông chị TH ra rồi bỏ chạy khoảng 50 m về hướng phố Tía, xã Tô Hiệu, huyện T thì bị anh Oánh cùng người dân bắt giữ được đưa về trụ sở công an xã T.

Sau khi bỏ chạy được, T bắt xe đi về phòng trọ tại phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. H. Đến ngày 09/9/2023, Đoàn Văn T bị Công an huyện T bắt giữ. Phan Văn H đứng cách nhà chị TH khoảng 02 km chờ T và H vào cướp nhưng chờ lâu không thấy T và H ra thì H nhắn tin cho H sau đó bỏ đi. Đến ngày 12/9/2023, Phan Văn H bị Công an huyện T bắt giữ.

Hậu quả:

- Chị Vũ Thị T có 01 (một) vết trượt mạn sườn trái dài 02 cm; 01 (một) vết trượt mé cổ bên trái từ điểm tai xuống 02 cm bầm đỏ;

- Chị Ngô Thị T tại phía bên phải thắt lưng cách đốt sống 1,5cm có vết bầm đỏ kích thước 1,5cm;

- Anh Phạm Văn O có 01 vết xước phần mềm mu bàn tay phải.

Tang vật thu giữ:

01 (một) mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, có ghi chữ "PIAGGIO"; 01 (một) áo chống nắng dài tay kẻ caro màu xanh đen; 01 (một) kéo bằng kim loại có chuôi màu xanh dài 23 cm; 02 (hai) găng tay bằng vải – cao su màu trắng xanh.

Ngày 06/9/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T tiến hành kiểm tra két sắt của gia đình chị Vũ Thị T xác định có tài sản gồm: **35.050.000** đồng; **04** lắc tay kim loại màu vàng, **02** nhẫn kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu trắng, **01** vòng cổ kim loại màu vàng, **01** đồng hồ bằng kim loại vàng; **01** con lợn đất bên trong chứa tiền tiết kiệm có khoảng **02** triệu đồng, **02** bộ giấy tờ nhà đất.

Ngày 26/01/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện T cung cấp số tài khoản 2208205375984 của chị Vũ Thị T ở M, xã T, huyện T, thành phố H vào ngày 06/9/2024 có số dư là **11.681.476** đồng.

Ngày 06/9/2023, chị Vũ Thị T tự nguyện giao nộp 01 (một) dao bằng kim loại, màu đen kích thước dài 16 cm, bản rộng 3cm; 01 chiếc USB nhãn hiệu Kingston, màu đen loại 16 Gb bên trong lưu 02 đoạn video ký hiệu lần lượt: 5291769958769.mp4 (Độ dài 07 phút 35 giây); 5291895056731.mp4 (Độ dài 03 phút 45 giây).

Ngày 12/9/2023, Phan Văn H tự nguyện giao nộp 01 quần bò dài màu xanh; 02 (hai) chiếc giày vải màu xám.

Ngày 12/3/2024, Cơ quan CSĐT - CA huyện T có Công văn số 1207 Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá đối với 04 lắc tay kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu trắng, 01 vòng cổ kim loại màu vàng, 01 đồng hồ bằng kim loại vàng.

Tại Công văn số 02 ngày 21/3/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện T đề nghị Cơ quan CSĐT - CA huyện T cung cấp tài liệu thể hiện tính pháp lý, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các tài sản cần định giá (tuổi vàng, khối lượng vàng, thương hiệu, thời gian mua…); hóa đơn mua bán, chứng cứ thu thập được (lời khai, lời trình bày…) có liên quan, biên bản giám định tình trạng kinh tế, kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm cần định giá đối với các tài sản gồm: 04 lắc tay kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu trắng, 01 vòng cổ kim loại màu vàng, 01 đồng hồ bằng kim loại vàng.

Tại Công văn số 378/CV-CQĐT(CSHS) ngày 22/3/2024 của Cơ quan CSĐT – Công an huyện T cung cấp: Do bà Thu từ chối giao nộp cũng như không cung cấp được thông tin về tuổi vàng, khối lượng vàng, thương hiệu, thời gian mua và hóa đơn mua bán để phục vụ công tác trưng cầu giám định và định giá tài sản.

Tại Công văn số 03 ngày 25/3/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện T đã thống nhất không đủ căn cứ để tiến hành định giá tài sản theo yêu cầu định giá tài sản số 1207/YC- CQĐT (CSHS) ngày 12/3/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T.

Ngày 29/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với chị Vũ Thị T, Ngô Thị T. Tuy nhiên, chị TH, chị T đều có đơn từ chối đi giám định thương tích nên không có căn cứ xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Đối với hành vi của H, H, T thống nhất đi bắt cóc nhưng sau đó không thực hiện hành vi được nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Vũ Văn Vương là lái xe taxi BKS: 18A - 135.48 chở Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T đi đến T nhưng anh Vương không biết H, H, T đi cướp tài sản nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về dân sự: Quá trình làm việc, Chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu Doãn Huy H và Đoàn Văn T bồi thường dân sự số tiền là **180.000.000** đồng. Chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu Doãn Huy H và Đoàn Văn T bồi thường dân sự số tiền là 5.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2023, đại diện gia đình Đoàn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền là **10.000.000** đồng, chị TH có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T; ngày 18/02/2024, đại diện gia đình Đoàn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho chị Ngô Thị T số tiền là **5.000.000** đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử đại diện gia đình bị cáo H đã thỏa thuận bồi thường cho chị TH số tiền tổn thất về tinh thần là **30.000.000** đồng.

Chị Thu và chị T đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác và đều có đơn xin Tòa án xem xét giảm mức hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T phạm vào tội Cướp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T); áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự (đối với Doãn Huy H, Đoàn Văn T). Đề nghị xử phạt:

- Phan Văn H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/9/2023.

- Doãn Huy H từ 05 đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/9/2023.

- Đoàn Văn T từ 05 đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu để tiêu hủy: 01 Mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, có ghi chữ "PIAGGIO", 01 áo chống nắng dài tay kẻ caro màu xanh đen, 01 Kéo bằng kim loại có chuôi màu xanh dài 23 cm, 02 (hai) găng tay bằng vải – cao su màu trắng xanh, 01 (một) quần bò dài màu xanh, 02 (hai) giày vải màu xám và 01 (một) dao bằng kim loại, đầu nhọn dài 16 cm.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ 01 USB nhãn hiệu Kingston, màu đen loại 16 Gb bên trong lưu 02 đoạn video ký hiệu lần lượt: 5291769958769.mp4 (Độ dài 07 phút 35 giây); 5291895056731.mp4 (Độ dài 03 phút 45 giây).

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị T (vắng mặt), chị TH (có mặt) đều đã nhận tiền bồi thường và đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác và đều có đơn đề nghị xem xét giảm mức hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phan Văn H không có ý kiến tranh luận gì về tội danh đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, về điều khoản truy tố đối với bị cáo H, Luật sư cho rằng thời điểm các bị cáo bàn bạc vào cướp tài sản thì cả 03 bị cáo đều không chuẩn bị dụng cụ, phương tiện gì (như dao, kéo..), do H và T có hành vi sử dụng dao, kéo để đe dọa, khống chế cướp tài sản của người bị hại là ngoài ý chí chủ quan của bị cáo H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Ngoài ra, đề nghị xem xét các tình tiết như bị cáo là người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (hộ nghèo và cận nghèo); quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của các bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời nên chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong đó có H; bố đẻ bị cáo tham gia công nhân hỏa tuyến được tặng Kỷ nệm chương; bị cáo là người ốm đau bệnh tật (có dấu hiệu bệnh Tâm thần) theo điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức thấp trong khung hình phạt cũng đủ để cải tại, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, cho rằng vai trò của bị cáo H trong vụ án được xác định là vai trò chính (Như bản cáo trạng đã nêu), bởi lẽ các bị cáo đã tiếp nhận ý chí cướp tài sản do H đề xướng, trường hợp người thực hành trong vụ án có đồng phạm thực hiện hành vi vượt quá (dùng hung khí như Luật sư nêu), mà hành vi đó cùng tính chất với hành vi phạm tội mà những người đồng phạm khác có ý định thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung với các đồng phạm khác theo quy định của pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn O không có yêu cầu gì về bồi thường thương tích đối với anh. Tuy nhiên, anh Oánh cho rằng các bị cáo có hành vi đe dọa giết cháu Phạm Ngọc M, sinh năm 2014, đang nằm trên giường, là con anh và chị TH (Bằng chứng là USB đã giao nộp trong quá trình điều tra), đề nghị xem xét buộc các bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần cho cháu Minh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh cho rằng sau sự việc xảy ra, trong quá trình điều tra thì chỉ có đại diện gia đình bị cáo T đến hỏi han và nói chuyện với gia đình, còn trường Hợp gia đình bị cáo H bồi thường cho vợ anh (chị TH) thế nào thì anh không rõ và anh không có mặt; riêng bị cáo H thì anh cho rằng bị cáo có nhiều tiền án, tiền sự và có nhiều lần có ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình anh (Như H khai tại tòa) nên đề nghị tòa xem xét bác các tình tiết giảm nhẹ như Luật sư đã đề nghị nhất là về ốm đau, bệnh tật (không có hồ sơ bệnh án để chứng minh) và gia đình có công với cách mạng...

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Qua lời khai của các bị cáo, lời khai người bị hại và Video ghi lại hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thấy rằng mục đích bị cáo H, T đe dọa chị TH nhằm để chiếm đoạt tài sản, quá trình đe dọa có nói với cháu Minh là im đi nhưng đều bị chị TH ngăn cản nên hành vi của các bị cáo thực hiện chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đe dọa giết người nên yêu cầu của anh Oánh không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét. Các vấn đề khác đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

Luật sư vẫn bảo lưu quan điểm như đã bào chữa cho bị cáo H; Người bị hại (chị TH) có mặt không tranh luận gì; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng bảo lưu quan điểm như đã đề nghị.

Các bị cáo đều không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất theo quy định của pháp luật để sớm trở về với gia đình và xã hội để làm lại từ đầu và đều có ý kiến xin người bị hại và gia đình tha thứ cho lỗi lầm của các bị cáo gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; quan điểm tranh luận của Luật sư và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (Nhất là đối với người thuộc diện trợ giúp pháp lý). Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 04 giờ ngày 06/9/2023, Phan Văn H rủ Doãn Huy H, Đoàn Văn T đi đến nhà chị Vũ Thị T (sinh năm: 1976) ở thôn M, xã T, huyện T, thành phố H để cướp tài sản. Khi đi đến nghĩa trang thôn M, H lên kế hoạch, bàn bạc, mô tả chi tiết vị trí, nếp sinh hoạt của những người trong gia đình nhà chị TH cho H, T biết, rồi đưa áo chống nắng, khẩu trang cho H, T để đi cướp tài sản. Sau đó, H đi bộ ra ngoài đường cách khoảng 02 km để chờ còn H cầm 01 chiếc kéo cùng với T đi đến nhà chị TH bóp cổ khống chế chị Vũ Thị T, và chị Ngô Thị T đi vào trong nhà để mở két sắt chiếm đoạn tài sản lúc này trong két sắt có tài sản gồm: 35.050.000 đồng; 04 lắc tay kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu trắng, 01 vòng cổ kim loại màu vàng, 01 đồng hồ bằng kim loại vàng; 01 con lợn đất bên trong chứa tiền tiết kiệm khoảng 02 triệu đồng, 02 bộ giấy tờ nhà đất, nhưng chị TH không mở được mà xin chuyển khoản. H nói có bao nhiêu tiền chuyển hết nếu không sẽ đánh cháu bé trên giường. T lấy điện thoại đưa chị TH và H đọc số tài khoản của mình để chị TH chuyển tiền, lúc này trong tài khoản số 2208205375984 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện T của chị Vũ Thị T có số dư là 11.681.476 đồng. Do sợ hãi, chị TH thực hiện thao tác chuyển tiền nhưng chưa chuyển thành công thì anh Phạm Văn O chồng chị TH chạy đến tay cầm cầm mã tấu, thấy vậy T bỏ chạy, anh Oánh cầm mã tấu chém trượt về phía H khiến H sợ buông chị TH ra rồi bỏ chạy về hướng phố Tía, xã Tô Hiệu, huyện T được khoảng 50 m thì bị anh Oánh cùng người dân bắt quả tang cùng vật chứng. Ngày 09/9/2023 và 12/9/2023 Đoàn Văn T, Phan Văn H lần lượt bị Công an huyện T bắt.

Bản cáo trạng số 56 /CT-VKSTT ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T đã phạm vào tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ lợi ích cá nhân nên đã bàn bạc và thực hiện hành vi Cướp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đe dọa đến sức khỏe và tính mạng của của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo để nhằm mục đích dăn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có đồng phạm (đồng phạm giản đơn), bởi các bị cáo do cần tiền tiêu sài cá nhân nên rủ nhau trên mạng, gặp nhau và bàn bạc thực hiện hành vi bắt cóc tống tiền tại N nhưng không thành… do vậy H khởi xướng đi cướp tài sản của nhà người quen tại T (các đồng phạm đều nhất trí), H có sự bàn bạc, đi thám thính và vẽ sơ đồ nơi để tài sản của chủ nhà (tại phiên tòa H cho rằng không có quen biết gì chủ nhà nhưng thời gian trước đó H cùng đối tượng khác cũng đã có ý định chiếm đoạt tài sản nhà chị TH nên hiểu vị trí nhà) và cùng bàn ăn chia với nhau nhưng không có sự tổ chức phân công cụ thể, bị cáo H không vào tham gia cướp tài sản (do H nói với H và T là nhà người quen sợ bị phát hiện) nên đi bộ ra ngoài. Do không có sự tổ chức, phân công cấu kết chặt chẽ (không có sự chuẩn bị dụng cụ, phương tiện từ trước…). Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định không có tính tổ chức. Do vậy, cần phải phân hoá hành vi phạm tội của các bị cáo thông qua vai trò, đặc điểm nhân thân để có cơ sở cá thể hoá mức hình phạt cho phù hợp theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đối với Phan Văn H là người khởi xướng, rủ rê H và T về địa bàn T để cướp tài sản của nhà người quen, H dẫn đường cho T, H đi đến nhà chị Vũ Thị T để kiểm tra rồi cùng quay lại khu vực Nghĩa trang của thôn M, xã T, huyện T. Lúc này, H vẽ sơ đồ trên đất, chỉ nhà chị TH cho H, T xem, mô tả vị trí camera, két sắt. H bảo T, H vào cướp, còn H không vào như đã nêu trên và thỏa thuận việc ăn chia nếu chiếm đoạt được tài sản. Về đặc điểm nhân thân H năm 2011 và năm 2014 đều bị xử phạt tù về tội Cưỡng đoạt tài sản; năm 2015 bị xử phạt tù về tội Đe dọa giết người mặc dù bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt từ năm 2018 (đều được xóa án) nhưng cho thấy bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội, do vậy bị cáo là người có nhân thân xấu nên được xác định vai trò chính trong vụ án;

Đối với Doãn Huy H khi được H rủ H và T đi đến nhà chị Vũ Thị T để Cướp tài sản thì đều nhất trí và tham gia khá tích cực, trực tiếp cầm 01 chiếc kéo nhặt ở đường, T cầm dao lấy tại nhà chị TH bóp cổ khống chế chị Vũ Thị T và chị Ngô Thị T, đe dọa chị TH chuyển tiền không thì đánh cháu bé (con chị TH) đang nằm trên giường… và trước đó H còn dùng mạng Facebook *"H Long*" thành lập "*Hội những người vỡ nợ muốn làm liều"* để tìm kiếm người cùng H, H và T nhằm bắt cóc chiếm đoạt tài sản của người khác trên dịa bàn N nhưng không thành. Do vậy, vai trò của H trong vụ án

là người thực hành, giúp sức khá tích cực nên vai trò của H đứng thứ hai sau H, cuối cùng là vai trò của Đoàn Văn T.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xét đến quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của các bị cáo đã được ngăn chặn kịp thời nên chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo riêng bị cáo H thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo; bố đẻ bị cáo tham gia công nhân hỏa tuyến được tặng Kỷ nệm chương (Tham gia chiến đấu ở B5-DD9 từ năm 1973 đến 1975) nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H và T đã tích cực cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Do bị cáo H và T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức thấp dưới khung hình phạt cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Còn bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu, là người có vai trò chính nên cần áp dụng mức thấp trong khung hình phạt cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt một khoản tiền để sung quỹ nhà nước) theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định (bị cáo H còn thuộc hộ nghèo, cận nghèo) nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

* Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu Doãn Huy H và Đoàn Văn T bồi thường dân sự số tiền là 180.000.000 đồng; chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu Doãn Huy H và Đoàn Văn T bồi thường dân sự số tiền là 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đại diện gia đình Đoàn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền là 10.000.000 đồng, bồi thường cho chị Ngô Thị T số tiền là 5.000.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử đại diện gia đình bị cáo H đã thỏa thuận bồi thường cho chị TH số tiền tổn thất về tinh thần 30.000.000 đồng. Chị Thu và chị T đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác và đều có đơn xin giảm mức hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại (chị TH) không có ý kiến gì về khoản bồi thường, người bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

Về yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Anh Phạm Văn O cho rằng các bị cáo có hành vi đe dọa giết cháu Phạm Ngọc M, sinh năm 2014, đang nằm trên giường, là con đẻ của anh và chị TH (Bằng chứng là USB đã giao nộp trong quá trình điều tra), đề nghị xem xét buộc các bị cáo bồi thường

về tổn thất tinh thần cho cháu Minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H và T đều cho rằng có hành vi đe dọa chị TH nếu không mở két thì đánh cháu Minh đang nằm trên giường nhưng không dọa giết và việc đe dọa chỉ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, các bị cáo cũng chưa dùng vũ lực và chưa gây thương tích cho ai. Ngoài lời khai của người bị hại, người liên quan thì không có tài liệu chứng cứ nào kể cả nội dung USB do gia đình cung cấp phản ánh nội dung nêu trên. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh Oánh về việc buộc các bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần đối với cháu Phạm Ngọc M nêu trên nên không đặt ra để xem xét.

*Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Quá trình điều tra thu giữ 01 (một) mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, có ghi chữ "PIAGGIO"; 01 (một) áo chống nắng dài tay kẻ caro màu xanh đen; 01 (một) kéo bằng kim loại có chuôi màu xanh dài 23 cm; 01 (một) dao bằng kim loại, màu đen kích thước dài 16 cm, bản rộng 3cm; 02 (hai) găng tay bằng vải – cao su màu trắng xanh; 01 (một) quần bò dài màu xanh và 02 (hai) giày vải màu xám. Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng trên là tang vật của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston, màu đen loại 16 Gb bên trong lưu 02 đoạn video ký hiệu lần lượt: 5291769958769.mp4 (Độ dài 07 phút 35 giây); 5291895056731.mp4 (Độ dài 03 phút 45 giây) do chị Vũ Thị T tự nguyện giao nộp. Xét thấy, đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần được lưu giữ kèm hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này còn có hành vi của H, H và T thống nhất đi bắt cóc nhưng sau đó không thực hiện hành vi được nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Vũ Văn Vương là lái xe taxi BKS: 18A - 135.48 chở Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T đi đến T nhưng anh Vương không biết H, H, T đi cướp tài sản nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T đã phạm vào tội "Cướp tài sản".

* Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự (đối với Phan Văn H). Xử phạt:

- Phan Văn H 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **12/9/2023**;

* Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự (đối với Doãn Huy H, Đoàn Văn T). Xử phạt:

- **Doãn Huy H 05** (Năm) năm **03** (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **06/9/2023**;

- **Đoàn Văn T 05** (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **09/9/2023**;

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, có ghi chữ "PIAGGIO"; 01 (một) áo chống nắng dài tay kẻ caro màu xanh đen; 01 (một) kéo bằng kim loại có chuôi màu xanh dài 23 cm; 01 (một) dao bằng kim loại, màu đen kích thước dài 16 cm, bản rộng 3cm; 02 (hai) găng tay bằng vải – cao su màu trắng xanh; 01 (một) quần bò dài màu xanh và 02 (hai) giày vải màu xám.

(Đặc điểm và hiện trạng vật chứng thực hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Buộc các bị cáo Phan Văn H, Doãn Huy H, Đoàn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo; Người bị hại (chị TH) và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại (chị T) vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *Sở Tư pháp – TP H;*
- *VKSND H T; VKS ND TP H;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Công an huyện T;*
- *Trại tạm giam số 2 – CATP H;*
- *Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu: Hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí